TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2021.

“ Về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Bích Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn Tấn;**

2. Bà **Triệu Thị Yên.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ma Văn N, sinh năm 1971.

- Bị đơn: Chị Ma Thị H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2021 và quá trình giải quyết, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Ma Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Ma Văn N và chị Ma Thị H do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 tại thôn V, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khoảng năm 2000 anh N có nghe thông tin về việc đi đăng ký kết hôn nhưng do bận công việc và cho rằng không cần thiết nên đã không đến UBND xã P, huyện Chiêm Hóa để đăng ký kết hôn theo quy định. Anh và chị H chung sống với nhau hòa thuận đến khoảng tháng 10 năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh N nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh N, chị H thường xuyên nói nhau, cuộc sống xảy ra nhiều bất đồng không thể khắc phục. Anh N không còn tình cảm với chị H, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Ma Thị H.

Về con chung: Anh N, chị H có hai con chung là Ma Thị H1, sinh năm 1993 và Ma Văn Đ, sinh năm 1995. Hai con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nhận thức bình thường nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Ma Văn N và chị Ma Thị H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn chị Ma Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị H và anh Ma Văn N được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống với nhau từ năm 1992 tại thôn V, xã P, huyện C đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khoảng năm 2000 chị H có nghe thông tin về việc đi đăng ký kết hôn nhưng do bận công việc và nghĩ không cần thiết nên chị H và anh N đã không đến UBND xã P, huyện C để đăng ký kết hôn. Cuộc sống giữa chị và anh N hòa thuận đến khoảng tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do anh N nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên thường hay dằn vặt chị H khiến cuộc sống chung mệt mỏi, xảy ra nhiều bất đồng không thể dung hòa. Chị H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh N về việc không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Ma Thị H1, sinh năm 1993 và Ma Văn Đ, sinh năm 1995. Hai con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nhận thức bình thường nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Ma Thị H và anh Ma Văn N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Ma Văn N và chị Ma Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, giữ nguyên ý kiến trình bày đối với quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, không có ý kiến bổ sung khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* của anh Ma Văn N: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ma Văn N và chị Ma Thị H.

- Về con chung: Các con chung của anh Ma Văn N và chị Ma Thị H là Ma Thị H1, sinh năm 1993; Ma Văn Đ, sinh năm 1995 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nhận thức bình thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh N, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Ma Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ma Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Ma Thị H; chị Ma Thị H cư trú tại thôn V, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa anh Ma Văn N, chị Ma Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Ma Văn N, chị Ma Thị H cùng trình bày việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năn 1992 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khoảng năm 2000 anh chị có nghe thông tin về việc đi đăng ký kết hôn nhưng do bận công việc và cho rằng không cần thiết nên anh chị không đến UBND xã P, huyện C đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại UBND xã P, huyện C (nơi anh N, chị H sinh sống)

đều xác định không có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa anh N và chị H. Như vậy, anh Ma Văn N và chị Ma Thị H chung sống như vợ chồng từ năm 1992 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; không công nhận quan hệ giữa anh Ma Văn N và chị Ma Thị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các con chung của anh Ma Văn N và chị Ma Thị H là Ma Thị H1, sinh năm 1993 ; Ma Văn Đ, sinh năm 1995 đều đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Anh N và chị H tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Anh Ma Văn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Chị Ma Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ma Văn N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Ma Văn N và chị Ma Thị H là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Ma Văn N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003587, ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ma Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKS huyện + tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã Phú Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Bích Ngọc